

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày: 29-4-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu.

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/HSST ngày 17/02/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý L; Sinh năm: 1996, tại tỉnh Bình Phước

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện B, Bình Phước. Số chứng minh nhân dân 285518284; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Chơ Ro; con ông Lý K, sinh năm: 1940 và bà Lù Sám M, sinh năm: 1961; vợ: Huỳnh Thị P, sinh năm: 1998; Bị cáo có 01 con sinh năm: 2014; Bị cáo có 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1992, bị cáo là con thứ 3; Tiền sự; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2019 cho đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Phạm Tiến D, sinh năm: 2003(vắng mặt)

Trú tại: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Lê Văn P, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1974. (vắng mặt)

Trú tại: 183/5 ấp Bình Đường 3, KP A, TX D, tỉnh Bình Dương

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Ngọc T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Lý T; sinh năm: 2000 (có mặt)
Trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn P; sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Phường T, TX T, tỉnh Bình Dương
2. Anh Nguyễn Minh T; sinh năm: 1998 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Về hành vi phạm tội của bị cáo Lý L:

Khoảng 15h ngày 28/9/2019, bị cáo L điều khiển xe mô tô không biển số đi từ nhà đến quán Internet “Quốc Tuấn” thuộc thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với mục đích mượn điện thoại di động của người khác để gọi rồi chiếm đoạt. Khi đến nơi, L để xe mô tô ở ngoài sân rồi đi bộ vào trong quán, L đến chỗ anh Phạm Tiến D đứng sau lưng xem anh D chơi game. Một lúc sau, L hỏi mượn điện thoại di động, loại cảm ứng, hiệu Samsung A 6 Pro, màu đen của anh D để gọi về nhà thì anh D đồng ý cho mượn. L cầm điện thoại giả vờ vừa gọi, vừa đi ra xe mô tô của L rồi ngồi lên xe điều khiển đến chợ B thuộc xã N, huyện B bán điện thoại cho anh Trương N được 1.400.000 đồng tiền xài cá nhân.

Ngoài ra, vào khoảng 02 giờ ngày 10/10/2019, L điều khiển xe mô tô không biển số đi dọc tuyến Quốc lộ 14 từ xã N đến xã Đ, huyện B nhằm mục đích xem ai có tài sản thì chiếm đoạt. Khi bị cáo L đi đến khu vực thôn 2, xã Đ, huyện B thì L phát hiện một xe mô tô đang chạy phía trước do anh Phạm Văn P điều khiển chở bà Bùi Thị N đang lưu thông về hướng Đồng Xoài về Đắc Nông. Lợm thấy ở nách phía bên trái của bà N có kẹp 01 túi xách bằng da, nên L điều khiển xe chạy vượt lên áp sát xe anh P dùng tay phải giật túi xách rồi nhanh chóng quay đầu xe chạy về nhà. Khi về đến nhà, L mở túi xách kiểm tra xem có tài sản gì không nhưng không có tài sản, mà chỉ có giấy tờ, nên L vứt xuống hầm nhà vệ sinh phía sau nhà rồi đi ngủ.

Tại Kết luận định giá số 78/KL-ĐG ngày 14/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: 01 điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu Samsung A 6 Pro, màu đen tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 4.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 89/KL-ĐG ngày 22/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định 01 túi xách bằng da, màu đen, có chữ LV tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 200.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu Samsung A 6 Pro, màu đen, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Tiến D.

+ 01 túi xách bằng da, màu đen, có chữ LV, bên trong có sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, CMND. Ngày 23/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị N.

+ 01 xe mô tô không biển số, số máy VLG 1P52FMH-300002541, số khung VPDBCH044PD002541, nhãn hiệu Guangta Wave, màu sơn đỏ trắng, 01 mũ bảo hiểm. Ngày 03/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện B chuyển Chi Cục thi hành án dân sự huyện B để phục vụ công tác truy tố, xét xử.

- Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại bà Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bà N đã nhận tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Người bị hại ông Phạm Tiến D đã nhận lại chiếc điện thoại Samsung A6 Pro, màu đen, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo đơn xin giải quyết vắng mặt và tài liệu có trong hồ sơ ông Thạch không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT - VKS ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Lý L tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lý L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt đề nghị áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 36 đến 40 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 02 tội là 45 tháng đến 52 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án:

+ Trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp Lý Tâm: 01 xe mô tô không biển số, số máy VLG 1P52FMH-300002541, số khung VPDBCH 044PD002541, nhãn hiệu Guangta Wave, màu sơn đỏ trắng và 01 chiếc nón bảo hiểm.

+ Buộc bị cáo L nộp số tiền 1.400.000đồng thu lợi bất chính.

Bị cáo Lý L thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

* Lời nói sau cùng của bị cáo Lý L: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lý L:

Tại phiên tòa, bị cáo Lý L đã thừa nhận: Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 15h ngày 28/9/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô không biển số của anh Lý Tâm đi từ nhà đến quán Internet “Quốc Tuấn” thuộc thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với mục đích mượn điện thoại di động của người khác để gọi rồi chiếm đoạt. Tại đây, L hỏi mượn điện thoại di động, loại cảm ứng, hiệu Samsung A6 Pro, màu đen của anh Phạm Tiến D để gọi về nhà thì anh D đồng ý cho mượn nhưng bị cáo L không gọi mà chiếm đoạt chiếc điện thoại của D. Sau khi chiếm đoạt tài sản của D, bị cáo L đem bán điện thoại cho anh Trương Ngọc Th với số tiền 1.400.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, vào khoảng 02 giờ ngày 10/10/2019, L điều khiển xe mô tô của Lý Tâm không biển số đi dọc tuyến Quốc lộ 14 từ xã N đến xã Đức Liễu, huyện B nhằm mục đích xem ai có tài sản thì chiếm đoạt. Khi L đi đến khu vực thôn 2, xã Đ, huyện B thì L phát hiện một xe mô tô đang chạy phía trước do anh Phạm Văn P điều khiển chở chị Bùi Thị N đang lưu thông về hướng tỉnh Đắk Nông. L thấy ở vách phía bên trái của chị N có kẹp 01 túi xách bằng da, nên L điều khiển xe chạy vượt lên áp sát xe anh P dùng tay phải giật túi xách rồi nhanh chóng tẩu thoát. Khi về đến nhà, L mở túi xách kiểm tra nhưng không có tài sản, mà chỉ có giấy tờ, nên L vứt xuống hầm nhà vệ sinh phía sau nhà rồi đi ngủ.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc điện thoại của bị hại D của bị cáo Lý L và hành vi công khai chạy xe áp sát rồi giật túi xách của bị hại và nhanh chóng tẩu thoát của bị cáo L đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự.

“Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Lý L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp giật và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lý L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số. Như vậy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xử bị cáo nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Phạm Tiến D và chị Bùi Thị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu thêm nên không xem xét giải quyết.

- Người liên quan anh Trương Ngọc Th không yêu cầu bị cáo Lượm phải hoàn lại số tiền 1.400.000 đồng, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

Khi bị cáo L sử dụng xe mô tô của Lý T thì Lý T không biết Lý L sử dụng làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần trả cho chủ sở hữu hợp pháp Lý Tâm: 01 mũ bảo hiểm và 01 xe mô tô không biển số, số máy VLG 1P52FMH-300002541, số khung VPDBCH044PD002541, nhãn hiệu Guangta Wave, màu sơn đỏ trắng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0009753 ngày 03/2/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B).

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.400.000 đồng mà bị cáo L thu lợi bất chính.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo luật định.

Đối với Trương Ngọc Th việc mua chiếc điện thoại không biết do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Lý L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý L 09 (chín) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội cướp giật tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt bị cáo Lý L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng.

Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2019.

[2]. Về vật chứng:

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả cho Lý T 01 mũ bảo hiểm và 01 xe mô tô không biển số, số máy VLG1P52FMH-300002541, số khung VPDBCH044PD002541, nhãn hiệu Guangta Wave, màu sơn đỏ trắng.

(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng số 0009753 ngày 03/2/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B).

Buộc bị cáo L nộp số tiền 1.400.000đồng thu lợi bất chính.

[3] Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự,

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lý L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở TP & Công An tỉnh BP;
- Công an huyện Bù Đăng;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Điều Thị Hạnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở TP & Công An tỉnh BP;
- Công an huyện Bù Đăng;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Thị Hạnh